

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2018/DS-ST**

Ngày: 20/6/2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ.
2. Ông Nguyễn Quốc Toàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham dự phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 146/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Văn Công H, sinh năm 1959.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 86, ấp Lô 12, xã V H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961. (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số nhà 86, ấp Lô 12, xã V H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2017).

2. Bị đơn: + Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1984.

+ Bà Trịnh Lan E, sinh năm 1980 (vợ ông Th).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp D Q, xã H C, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961 (vợ ông H). (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số nhà 86, ấp Lô 12, xã V H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án dân sự ngày 01/11/2017 và trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Vợ chồng ông H, bà M có cửa hàng bán vật tư nông nghiệp tại ấp Lô 12, xã V H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang, do ông H đứng tên đăng ký kinh doanh. Thời gian từ năm 2013 vợ chồng ông Th , bà Lan E nhiều lần đến cửa hàng vật của ông H, bà M để mua vật tư nông nghiệp đến tháng 10/2014 thì không mua nữa. Sau khi đối chiếu sổ sách thì vợ chồng ông Th , bà Lan E còn nợ số tiền là 26.875.000 đồng. Việc mua bán bà M có ghi lại sổ sách, tên hàng và số lượng vật tư của từng lần mua, có bà Lan E ký tên xác nhận nợ. Quá trình mua cho đến nay vợ chồng ông Th , bà Lan E chưa thanh toán khoản tiền nào. Nhiều lần bà M đến nhà yêu cầu thì vợ chồng ông Th , bà Lan E chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Vì vậy, ông H khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/01/2018 bà Lan E thừa nhận và đồng ý trả cho bà M toàn bộ số tiền 26.875.000 đồng, nhưng xin trả dần cho đến khi dứt nợ. Tại phiên hòa giải trên bà M cũng đồng ý với phương thức thanh toán bà Lan E đưa ra, nhưng yêu cầu phải có mặt của ông Th cùng ký tên xác nhận, sau đó bà Lan E , ông Th vắng mặt không đến Tòa án cho đến nay.

- Tại phiên tòa bà M yêu cầu: Bà M yêu cầu vợ chồng ông Th , bà Lan E trả một lần dứt điểm số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ, số tiền gốc là 26.875.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn ông ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Lan E vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 09/01/2018 bà Trịnh Lan E có ý kiến:** Bà Lan E thừa nhận có đến cửa hàng vật tư của ông H, bà M để mua phân bón, thuốc trừ sâu nhiều lần và còn số tiền 26.875.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ nên đến nay vẫn chưa thanh toán cho ông H, bà M số tiền 26.875.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 09/01/2018 bà Lan E đồng ý trả cho bà M toàn bộ số tiền 26.875.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét

xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo hoãn tòa hợp lệ, nhưng ông Th , bà Lan E cố tình lánh mặt không đến tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Lan E.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp* giữa nguyên đơn ông Văn Công H với bị đơn ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Lan E là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

[3] *Về nội dung*: Nguyên đơn ông H yêu cầu bị đơn ông Th , bà Lan E phải trả số tiền đã mua vật tư nông nghiệp còn nợ số tiền gốc là 26.875.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Quá trình tố tụng bị đơn bà Lan E có yêu cầu xin trả dần cho đến khi hết nợ.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Văn Công H*. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của ông H yêu cầu vợ chồng ông Th , bà Lan E phải trả số tiền đã mua vật tư nông nghiệp còn nợ, số tiền gốc là 26.875.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình tố tụng, tại bản tự khai và phiên hòa giải ngày 09/01/2018 bà Lan E thừa nhận đã mua vật tư của ông H, bà M còn nợ số tiền là 26.875.000 đồng. Nội dung thừa nhận của bà Lan E là phù hợp với các hóa đơn chứng từ, sổ sách mà hai bên đã xác lập khi thực hiện việc mua bán, có bà Lan E ký tên xác nhận. Giao dịch mà các bên đã thực hiện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Ông Th , bà Lan E đã nhận đầy đủ số vật tư mà ông H đã giao thì phải có nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ngày 09/01/2018 bà Lan E thừa nhận và đồng ý trả cho bà M toàn bộ số tiền 26.875.000 đồng, nhưng xin trả dần cho đến khi dứt nợ. Bà M cũng đồng ý với phương thức thanh toán mà bà Lan E đưa ra. Tuy nhiên, trong thời gian chờ Tòa án tiến hành lập biên bản ghi lại ý kiến của các bên, bà Lan E tự ý bỏ về, không ý tên vào biên bản. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng ông Th , bà Lan E cố tình lánh mặt, không đến Tòa án. Tại phiên tòa bà M yêu cầu vợ chồng ông Th , bà Lan E phải thanh toán một lần dứt nợ, không đồng ý cho vợ chồng ông Th , bà Lan E trả dần. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu trả dần của ông Th , bà Lan E cũng như ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên.

Từ những nhận định trên, trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của ông H. Buộc ông Th , bà Lan E cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền mua vật tư là 26.875.000 đồng. Do nguyên đơn ông H không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Th , bà Lan E phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông H là 26.875.000 đồng, được tính như sau: 26.875.000 đồng x 5% = 1.343.750 đồng. Như vậy, ông Th , bà Lan E phải nộp án phí số là 1.343.750đ (Một triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

- Hoàn trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí là 671.000đ (Sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006711 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Văn Công H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Lan E, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Lan E có nghĩa vụ trả cho ông Văn Công H số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 26.875.000đ (Hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Th , bà Lan E phải nộp án phí số là 1.343.750đ (Một triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

- Hoàn trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí là 671.000đ (Sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006711 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THA DS huyện U Minh Thượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa